TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HỒNG BÀNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2025/LĐ-ST Ngày 27-6-2025 V/v tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Thu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-LĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 11/TB-TA ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị H, sinh ngày 21/10/1987. Nơi cư trú: Số 443 đường Th, phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu công nghiệp NB - Hải Phòng, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông M – Tổng giám đốc; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trần Thu H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội quận A; địa chỉ: Đường 351, phường L, quận An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội quận A: Ông Nguyễn Văn H - Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận A (Giấy ủy quyền số 200/GUQ-BHXH ngày 22 tháng 5 năm 2025); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại Bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị H trình bày:

Do quen biết với chị Trần Thu H, sinh năm 1988, căn cước công dân số 031188002416 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021, địa chỉ: H, An Dương, Hải Phòng nên cuối năm 2006, chị H thiếu giấy tờ làm hồ sơ xin việc, muốn mượn giấy tờ của chị để xin việc. Do thiếu hiểu biết nên chị cho mượn hồ sơ với mục đích hỗ trợ chị H có việc làm, không nhằm mục đích khác.

Sau khi mượn hồ sơ của chị, chị H ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T; địa chỉ: Khu công nghiệp NB – Hải Phòng, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, chị H là người làm việc trực tiếp tại Công ty, tham gia đóng bảo hiểm xã hội *(sau đây viết tắt là BHXH)* theo sổ BHXH số 3108006157 nhưng sử dụng tên của chị – Ngô Thị H từ tháng 2/2007 đến tháng 9/2009. Tuy nhiên, chị không làm việc tại Công ty TNHH T ngày nào. Cùng thời điểm đó, từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 7 năm 2012; từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 5 năm 2017; từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018 chị đã ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH R. Việc trùng thời gian đóng bảo hiểm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị.

Trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, tên Ngô Thị H, sinh ngày 21/10/1987 có 02 sổ bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3108006157 và 3108079320.

- Mã số 3108006157 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9 năm 2009 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 9 năm 2009. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 9 năm 2009 là 02 năm 08 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 9 năm 2009 là 09 tháng.

- Mã số 3108079320 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH R từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 7 năm 2012; từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 5 năm 2017; từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018. Thời gian không tham gia bảo hiểm xã hội, nghỉ hưởng chế độ thai sản từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 11 năm

2012; nghỉ do ốm đau, nghỉ không lương từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 04 năm 2018 là 09 năm 04 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bản hiểm thất nghiệp đến tháng 4 năm 2018 là 11 tháng.

Do trên hệ thống của Bảo hiểm Xã hội quận A chị có hai sổ bảo hiểm xã hội nên chị gặp khó khăn trong việc trong việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Trần Thu H (sử dụng tên Ngô Thị H) với Công ty TNHH T thời gian từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9 năm 2009 là hợp đồng vô hiệu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu và nhận chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Tại Công văn số: TG/25/06/03 ngày 05 tháng 6 năm 2025, bị đơn Công ty TNHH T *trình bày:*

Công ty TNHH T xác nhận có giao kết hợp đồng lao động với người lao động tên Ngô Thị H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1987, số sổ bảo hiểm xã hội: 3108006157; địa chỉ thường trú tại xã H, huyện An Dương (nay là phường H, quận An Dương), thành phố Hải Phòng. Chị Ngô Thị H làm việc tại Công ty từ ngày 13/11/2006 đến ngày 19/9/2009 và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 13/02/2007 đến tháng 9/2009; chị Ngô Thị H đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2009. Theo quy định về lưu trữ hồ sơ tuyển dụng của Công ty, hồ sơ liên quan đến chị Ngô Thị H đã không còn được lưu trữ. Công ty TNHH T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp và các phiên tòa liên quan đến vụ án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 5 năm 2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thu H trình bày:

Vào năm 2006, chị có nhu cầu tìm việc làm nhưng chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động tại các công ty, do chị và chị Ngô Thị H có quan hệ quen biết nên chị đã mượn thông tin cá nhân của chị H để ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH T; địa chỉ hiện tại Lô M&K, Khu công nghiệp NB - Hải Phòng, phường A, quận HB, thành phố Hải Phòng từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 9 năm 2009 theo như chị H đã trình bày là đúng. Trong thời gian chị làm việc tại Công ty TNHH T thì chị và Công ty T đều tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Bảo hiểm xã hội quận A từ tháng 02/2007. Đến tháng 9 năm 2009, chị nghỉ việc tại Công ty TNHH T và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nữa. Từ sau khi chị nghỉ việc đến nay, chị chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền bảo hiểm nào tại Bảo hiểm xã hội quận A. Nay chị Ngô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa chị là Trần Thu H (sử dụng tên Ngô Thị H) với Công ty TNHH T thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9

năm 2009 là hợp đồng vô hiệu, chị có quan điểm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn số 13/BHXH ngày 06 tháng 6 năm 2025, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội quận A trình bày:

Qua tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm xã hội, chị Ngô Thị H, sinh ngày 21/10/1987 có 02 sổ bảo hiểm xã hội có mã số lần lượt là 3108006157 và 3108079320.

- Mã số 3108006157 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9 năm 2009 và đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 9 năm 2009. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 9 năm 2009 là 02 năm 08 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 9 năm 2009 là 09 tháng.

- Mã số 3108079320 tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH R từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 7 năm 2012; từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 5 năm 2017; từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2018. Thời gian không tham gia bảo hiểm xã hội, nghỉ hưởng chế độ thai sản từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 11 năm 2012; nghỉ do ốm đau, nghỉ không lương từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 04 năm 2018 là 09 năm 04 tháng. Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bản hiểm thất nghiệp đến tháng 4 năm 2018 là 11 tháng.

(Có bản ghi quá trình đóng bản hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp kèm theo).

Nay chị Ngô Thị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, Bảo hiểm xã hội quận A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội quận A không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 122, 127, 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50, Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Trần Thu H (sử dụng tên Ngô

Thị H) với Công ty TNHH T từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9 năm 2009 là hợp đồng vô hiệu.

Về án phí: Ghi nhận sự tư nguyện của nguyên đơn về việc chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH T; có địa chỉ tại: Lô M&K, Khu công nghiệp NB - Hải Phòng, phường A, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, nhưng có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ để xác định: Vào thời gian từ tháng tháng 11 năm 2006 đến tháng 9 năm 2009, chị Trần Thu H đã mượn hồ sơ cá nhân của chị Ngô Thị H để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH T với tên Ngô Thị H từ tháng 02/2007. Do đó, chị Trần Thu H, sinh ngày 06/8/1988, chứng minh nhân dân số: 031543138 (số căn cước công dân: 031188002416) có mã số bảo hiểm xã hội là 3108006157. Việc chị Trần Thu H sử dụng hồ sơ cá nhân của chị Ngô Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; vi phạm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng lao động được hai bên giao kết là hợp đồng không có hiệu lực và căn cứ các điều 122, 127 và 136 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Trần Thu H (sử dụng tên Ngô Thị H) với Công ty TNHH T trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02 năm 2007 đến tháng 9/2009 là hợp đồng vô hiệu.

[4] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp

đồng vô hiệu; bị đơn đã được Tòa án giải thích về việc có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu nhưng hết thời hạn được thông báo bị đơn không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Về án phí: Xét, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị H. Tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa chị Trần Thu H (sử dụng tên Ngô Thị H) với Công ty TNHH T trong thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 9/2009 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí lao động chị Ngô Thị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0002700 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Chị Ngô Thị H đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THA DS quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Bình